

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

**Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 – 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 – 54



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Dân
Ông Trần Lâm
Ông Trần Long
Ông Nguyễn Đăng Hoàng
Ông Trần Quang Trí
Ông Phan Hoàng Sơn

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2025)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/05/2025)
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Lâm
Ông Trần Quang Trí

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2025)
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thanh Hải
Bà Trần Thị Ân
Bà Đỗ Thị Như Duyên

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số: 772.../BCSX/TC/2025/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 7 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty và các công ty con được kiểm toán, soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 276.HN/2024/DFK-BCKiT ngày 31 tháng 03 năm 2025 và báo cáo soát xét số 276.HN/2024/DFK-BCSX ngày 15 tháng 08 năm 2024, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán

và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số Giấy CNĐKHNKT 1091-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.032.020.239.624	2.780.516.388.126
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		68.809.956.447	69.029.863.474
1 . Tiền	111	IV.01	68.809.956.447	69.029.863.474
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		2.104.466.914.825	2.076.658.540.820
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.02	1.012.158.845.012	987.474.019.852
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.03	397.015.039.961	323.928.870.820
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.04	695.180.431.141	765.143.051.437
4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139	IV.05	112.598.711	112.598.711
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	IV.06	819.549.219.163	613.979.287.300
1 . Hàng tồn kho	141		824.492.503.718	618.922.571.855
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.943.284.555)	(4.943.284.555)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		39.194.149.189	20.848.696.532
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.07	13.785.910.240	11.764.494.065
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	IV.16	24.473.579.911	8.642.482.214
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.16	934.659.038	441.720.253
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.108.490.251.763	1.137.114.950.794
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		367.940.921.499	368.987.370.210
1 . Phải thu dài hạn khác	216	IV.04	367.940.921.499	368.987.370.210
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		227.814.274.166	214.648.332.733
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	IV.08	118.402.850.932	122.408.998.134
- Nguyên giá	222		202.883.209.864	208.645.717.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.480.358.932)	(86.236.719.327)
2 . Tài sản cố định thuê tài chính	224	IV.09	5.160.411.191	5.538.442.223
- Nguyên giá	225		6.137.445.000	6.137.445.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(977.033.809)	(599.002.777)
3 . Tài sản cố định vô hình	227	IV.10	104.251.012.043	86.700.892.376
- Nguyên giá	228		108.061.937.546	90.029.136.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.810.925.503)	(3.328.244.069)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		7.434.177.745	37.707.555.806
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.11	7.434.177.745	37.707.555.806
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	IV.12	415.292.679.719	414.840.000.000
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.452.679.719	26.000.000.000
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		140.950.000.000	140.950.000.000
3 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		247.890.000.000	247.890.000.000
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		90.008.198.634	100.931.692.045
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.07	19.877.827.045	23.724.924.254
2 . Lợi thế thương mại	269	IV.13	70.130.371.589	77.206.767.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.140.510.491.387	3.917.631.338.920

Các thuyết minh kèm theo từ trang 11 đến trang 54 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.014.810.294.215	2.795.119.067.668
I . Nợ ngắn hạn	310		2.709.596.867.959	2.417.958.978.583
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.14	294.374.425.966	217.056.737.424
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.15	111.507.223.801	62.692.978.996
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.16	2.393.602.083	15.682.296.480
4 . Phải trả người lao động	314		13.063.964.883	15.554.396.110
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.17	25.949.266.397	16.918.523.271
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		548.371.528	507.614.192
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.18	66.068.228.383	46.848.431.899
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.19	2.194.723.889.579	2.041.682.704.872
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		967.895.339	1.015.295.339
II . Nợ dài hạn	330		305.213.426.256	377.160.089.085
1 . Phải trả dài hạn khác	337	IV.18	16.770.000.000	15.570.000.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.19	288.443.426.256	361.590.089.085
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.125.700.197.172	1.122.512.271.252
I . Vốn chủ sở hữu	410	IV.20	1.125.700.197.172	1.122.512.271.252
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	956.538.590.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		4.367.682.760	4.367.682.760
4 . Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.215.200.961	1.215.200.961
5 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.039.312.982	57.141.470.070
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.141.470.070	10.709.969.477
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.897.842.912	46.431.500.593
6 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		85.535.025.469	84.244.942.461
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.140.510.491.387	3.917.631.338.920

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 28 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.342.393.154.988	3.423.771.882.391
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02		247.053.523.362	100.127.163.027
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	4.095.339.631.626	3.323.644.719.364
4 . Giá vốn hàng bán	11	V.02	3.849.815.678.248	3.153.951.977.564
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		245.523.953.378	169.692.741.800
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	70.356.379.018	135.691.608.761
7 . Chi phí tài chính	22	V.04	98.863.409.409	84.981.305.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.225.999.794	84.981.305.710
8 . Phần lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	24		452.679.719	
9 . Chi phí bán hàng	25	V.05	195.845.304.829	157.511.212.201
10 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	76.174.913.245	69.503.801.158
11 . (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(54.550.615.368)	(6.611.968.508)
12 . Thu nhập khác	31		60.248.633.818	17.503.412.066
13 . Chi phí khác	32		1.622.461.487	1.592.518.756
14 . Lợi nhuận khác	40	V.07	58.626.172.331	15.910.893.910
15 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.075.556.963	9.298.924.802
16 . Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.075.556.963	9.298.924.802
19 . Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.897.842.912	10.990.156.966
20 . Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.177.714.051	(1.691.232.164)
21 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	20	123
22 . Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	20	123

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo từ trang 11 đến trang 54 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.075.556.963	9.298.924.802
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18.895.330.828	9.996.006.647
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(73.274.116.846)	(138.882.292.279)
- Chi phí lãi vay	06	91.225.999.794	84.981.305.710
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.922.770.739	(34.606.055.120)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.301.621.819)	40.004.592.953
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(205.569.931.863)	131.327.324.501
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	156.208.518.561	(37.525.426.440)
- Giảm chi phí trả trước	12	2.261.788.943	6.133.879.976
- Tiền lãi vay đã trả	14	(100.590.220.555)	(85.912.116.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.887.824.174)	(9.469.812.073)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(47.400.000)	(224.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(130.003.920.168)	9.727.886.948
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14.380.174.456)	(17.413.860.744)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	21.736.697.346	7.010.505.051
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(9.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	69.400.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.532.968.373	1.089.057.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	49.889.491.263	51.085.702.192
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	3.478.011.424.160	3.186.009.294.159
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.397.456.707.948)	(3.260.236.890.357)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(660.194.334)	(2.126.624.694)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(582.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	79.894.521.878	(76.936.620.892)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(219.907.027)	(16.123.031.752)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	69.029.863.474	61.180.164.578
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	68.809.956.447	45.057.132.826

Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân

Kế toán trưởng
Lê Thị Phú



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí

Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo từ trang 11 đến trang 54 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 19 ngày 23 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 956.538.590.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại – dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

Cấu trúc Tập đoàn:

Công ty có trụ sở chính tại Số 218, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh hoạt động như sau:

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, Phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, Phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-007.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày 30/06/2025, Tập đoàn có 07 công ty con sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.	Thương mại – Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	682A Trường Chinh, Phường Tân Bình, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	224 Quốc lộ 51, Phường Long Hương, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	100,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk.	Thương mại – Dịch vụ	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08 Đường Số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	99,00%	99,00%

Số lượng nhân viên của Công ty tại 30/06/2025: 284 người (Tại 31/12/2024: 226 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán của Công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các căn cứ pháp lý làm cơ sở để hợp nhất báo cáo tài chính

- Chuẩn mực kế toán số 07 – Đầu tư vào Công ty Liên kết
- Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin về các khoản góp vốn liên doanh
- Chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh
- Chuẩn mực kế toán số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con
- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thật sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng thống nhất các chính sách kế toán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Tập đoàn tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hoá là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Công ty thực hiện tính, trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo định kỳ trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của mình. Nếu không chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 – 05 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: phân bổ trong vòng 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn: phân bổ trên 12 tháng.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Tập đoàn hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Tập đoàn.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa cũng như quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Lãi từ các khoản tiền gửi, cho vay
- Chênh lệch tỷ giá
- Lãi từ đầu tư vào công cụ tài chính
- Cổ tức từ các khoản đầu tư
- Lãi từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc tài sản tài chính khác.
- Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính mà doanh nghiệp thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải trả liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các khoản vay, bao gồm lãi vay ngân hàng, lãi vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các khoản vay từ bên ngoài khác.
- Chênh lệch tỷ giá
- Chi phí bảo hiểm liên quan đến tài sản, công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng.
- Chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác.
- Chi phí khác liên quan đến tài chính.

Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, tức là khi có sự cam kết hoặc khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các chi phí tài chính phải được ghi nhận dồn tích vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

Xác định giá trị hợp lý khi lập Báo cáo tài chính

Tập đoàn không thực hiện xác định giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công cụ nợ tài chính.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thuế

Tập đoàn hạch toán và kê khai phát sinh về thuế theo chứng từ, hoá đơn phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp đối với từng loại thuế của Tập đoàn được áp dụng theo luật thuế đối với từng loại thuế và Luật quản lý thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được Cơ Quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế tại Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.298.527.802	876.508.631
VND	1.298.527.802	876.508.631
Tiền gửi ngân hàng	67.511.428.645	68.153.354.843
VND	67.511.428.645	68.153.354.843
Cộng	68.809.956.447	69.029.863.474

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.012.158.845.012	987.474.019.852
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	335.787.374.049	413.483.813.235
Công ty Cổ phần Truck & Bus Trường Chinh	50.720.418.652	63.558.736.008
Công ty Cổ phần Easy Car	54.975.198.322	47.618.319.109
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	570.675.853.989	462.813.151.500
Cộng	1.012.158.845.012	987.474.019.852

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	397.015.039.961	323.928.870.820
Công ty TNHH Minh Long	133.046.842.038	123.594.379.437
Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	75.874.064.528	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	138.754.456.906	169.428.070.588
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	49.339.676.489	30.906.420.795
Cộng	397.015.039.961	323.928.870.820

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác ngắn hạn	695.180.431.141	-	765.143.051.437	-
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp chính	125.912.441.260	-	67.213.744.816	-
Phải thu từ hợp đồng HTKD cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	-	14.204.590.000	-
Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	-	137.160.000.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	105.098.217.582	-	84.763.311.000	-
Cho mượn	87.744.474.795	-	95.395.132.522	-
Công ty CP BĐS Bảo Long	31.503.836.321	-	30.870.905.555	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	46.359.104.152	-	180.934.652.782	-
Tạm ứng cho nhân viên	17.678.301.589	-	7.674.597.830	-
Phải thu ngắn hạn khác	129.519.465.442	-	146.926.116.932	-
Phải thu khác dài hạn	367.940.921.499	-	368.987.370.210	-
Ký quỹ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	334.601.000.000	-	334.601.000.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	33.339.921.499	-	34.386.370.210	-
Cộng	1.063.121.352.640	-	1.134.130.421.647	-

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
		<u>VND</u>		<u>VND</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý				
Hàng tồn kho tại kho HCM	-	98.612.814	-	98.612.814
Hàng tồn kho tại kho Vũng Tàu	-	13.985.897	-	13.985.897
Cộng		112.598.711		112.598.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho				
Công cụ, dụng cụ	169.298.734	-	108.980.578	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.142.214.918	-	9.814.221.009	-
Hàng hoá	812.180.990.066	(4.943.284.555)	608.999.370.268	(4.943.284.555)
Cộng	824.492.503.718	(4.943.284.555)	618.922.571.855	(4.943.284.555)

Chi tiết hàng hoá tồn kho:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xe các loại	731.923.655.836	-	524.523.977.993	-
Phụ tùng, phụ kiện	80.257.334.230	(4.943.284.555)	84.475.392.275	(4.943.284.555)
Cộng	812.180.990.066	(4.943.284.555)	608.999.370.268	(4.943.284.555)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	13.785.910.240	11.764.494.065
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.871.423.057	1.369.599.442
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất chờ kết chuyển	5.591.385.677	3.542.638.807
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.323.101.506	6.852.255.816
Chi phí trả trước dài hạn	19.877.827.045	23.724.924.254
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.187.045.620	11.795.289.941
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất chờ kết chuyển	-	7.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.690.781.425	11.922.634.313
Cộng	33.663.737.285	35.489.418.319

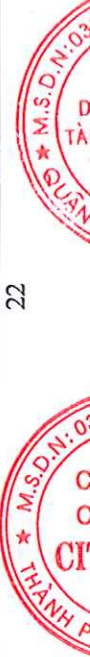
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản	
	VND	VND	VND	VND	hữu hình khác	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ	83.687.211.335	50.422.783.502	70.232.202.654	4.303.519.970	-	208.645.717.461
	Tại ngày 01/01/2025					
	Tăng trong kỳ	17.291.962.306	1.714.643.561	7.529.421.819	287.334.000	26.823.361.686
	Mua trong kỳ	17.291.962.306	1.363.259.382	7.529.421.819	-	26.184.643.507
	Tăng khác	-	351.384.179	-	287.334.000	638.718.179
	Giảm trong kỳ	17.826.610.811	1.111.835.260	1.852.890.592	-	32.585.869.283
NGUYÊN GIÁ	17.539.276.811	1.111.835.260	11.794.532.620	1.852.890.592	-	32.585.869.283
	Thanh lý, nhượng bán		11.760.139.443	1.535.899.590	-	31.947.151.104
	Giảm khác	287.334.000	34.393.177	316.991.002	-	638.718.179
	Tại ngày 30/06/2025	83.152.562.830	51.025.591.803	65.967.091.853	287.334.000	202.883.209.864
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ	31.865.550.003	35.049.885.402	17.500.936.842	1.820.347.080	-	86.236.719.327
	Tại ngày 01/01/2025					
	Tăng trong kỳ	3.025.589.043	2.528.694.044	5.364.314.355	202.284.938	11.408.216.380
	Khấu hao trong kỳ	3.025.589.043	2.366.033.824	5.364.314.355	202.284.938	10.958.222.160
	Tăng khác	-	162.660.220	-	287.334.000	449.994.220
	Giảm trong kỳ	6.341.000.449	1.017.090.581	5.455.292.136	-	13.164.576.775
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	6.053.666.449	1.017.090.581	5.385.688.959	258.136.566	-	12.714.582.555
	Thanh lý, nhượng bán		69.603.177	93.057.043	-	449.994.220
	Giảm khác	287.334.000	-	1.671.438.409	287.334.000	84.480.358.932
	Tại ngày 30/06/2025	28.550.138.597	36.561.488.865	17.409.959.061	287.334.000	84.480.358.932
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	51.821.661.332	15.372.898.100	52.731.265.812	2.483.172.890	-	122.408.998.134
	Tại ngày 01/01/2025					
	Tại ngày 30/06/2025	54.602.424.233	14.464.102.938	48.557.132.792	-	118.402.850.932

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.233.398.561 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	6.137.445.000	6.137.445.000
Tại ngày 30/06/2025	6.137.445.000	6.137.445.000
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	599.002.777	599.002.777
Tăng trong kỳ	378.031.032	378.031.032
Khấu hao trong kỳ	378.031.032	378.031.032
Tại ngày 30/06/2025	977.033.809	977.033.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	5.538.442.223	5.538.442.223
Tại ngày 30/06/2025	5.160.411.191	5.160.411.191

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	6.006.661.822	90.029.136.445
Tăng trong kỳ	17.922.801.101	110.000.000	18.032.801.101
Mua trong kỳ	17.922.801.101	110.000.000	18.032.801.101
Tại ngày 30/06/2025	101.945.275.724	6.116.661.822	108.061.937.546
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	-	3.328.244.069	3.328.244.069
Tăng trong kỳ	-	482.681.434	482.681.434
Khấu hao trong kỳ	-	482.681.434	482.681.434
Tại ngày 30/06/2025	-	3.810.925.503	3.810.925.503
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	2.678.417.753	86.700.892.376
Tại ngày 30/06/2025	101.945.275.724	2.305.736.319	104.251.012.043

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.058.800.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2025	01/01/2025
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.434.177.745	37.707.555.806
Mua sắm tài sản cố định	3.872.136.364	1.391.646.115
Chi phí xây dựng showroom	3.562.041.381	36.315.909.691
Cộng	7.434.177.745	37.707.555.806

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Daf Group (1)	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason (2)	41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000
Công ty Cổ phần BĐS Bảo Long (3)	59.890.000.000	59.890.000.000	59.890.000.000	59.890.000.000
Cộng	247.890.000.000	247.890.000.000	247.890.000.000	247.890.000.000

(1) Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/07/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và **Công ty Cổ phần Daf Group**. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng. Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(2) Khoản đầu tư theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 0212/2024-HĐUTĐT/HTC-DASON ngày 02/12/2024 giữa Công ty CP Auto Trường Chinh với **Công ty CP Tập đoàn Dason**, Số tiền ủy thác: 41.000.000.000 VNĐ; thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(3) Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 1012/2024-HĐUTĐT/VTT-BLC ngày 10/12/2024 giữa Công ty Cổ phần VW Tân Thuận và **Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long**. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần VW Tân Thuận ủy thác đầu tư là 59.890.000.000 đồng, thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.452.679.719		26.000.000.000	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	26.452.679.719		26.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	140.950.000.000		140.950.000.000	
Công ty Cổ phần Dasonmotors	112.200.000.000		112.200.000.000	
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	28.750.000.000		28.750.000.000	
Cộng	167.402.679.719		166.950.000.000	

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty:

	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Phường Dĩ An, Tp. HCM	Đại lý ô tô	2.600.000	20,00%	20,00%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Dasonmotors	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	11.220.000	11,00%	11,00%
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. HCM	Đại lý ô tô	1.150.000	11,50%	11,50%

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi thế thương mại		
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất	141.527.923.950	141.527.923.950
Lợi thế thương mại đã phân bổ	71.397.552.361	64.321.156.159
Cộng	70.130.371.589	77.206.767.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	294.374.425.966	294.374.425.966	217.056.737.424	217.056.737.424
Công ty CP liên doanh ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	40.561.389.350	40.561.389.350	25.674.337.121	25.674.337.121
Công ty TNHH Ô tô VW Sài Gòn	26.947.778.634	26.947.778.634	4.879.895.984	4.879.895.984
Công ty TNHH Auto Hoàng Gia Sài Gòn	51.081.613.649	51.081.613.649	19.996.206.182	19.996.206.182
Đối tượng khác	175.783.644.333	175.783.644.333	166.506.298.137	166.506.298.137
Cộng	294.374.425.966	294.374.425.966	217.056.737.424	217.056.737.424

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	111.507.223.801	62.692.978.996
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	32.550.203.893	716.150.000
Công ty TNHH Ô tô VW Sài Gòn	26.967.896.602	5.506.796.602
Công ty Cổ Phần Trident Auto	12.578.245.000	4.856.570.000
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	39.410.878.306	51.613.462.394
Cộng	111.507.223.801	62.692.978.996

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Phải thu		
Thuế GTGT được khấu trừ	24.473.579.911	8.642.482.214
Thuế TNDN	839.518.412	441.324.563
Thuế TNCN	95.140.626	395.690
Cộng	25.408.238.949	9.084.202.467
b) Phải nộp		
Thuế GTGT phải nộp	1.596.782.298	5.744.928.771
Thuế TNDN	-	8.674.686.238
Thuế TNCN	796.819.785	1.262.681.471
Cộng	2.393.602.083	15.682.296.480

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.949.266.397	16.918.523.271
Chi phí đào tạo phải trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.257.600.248	1.678.359.143
Chi phí lãi vay	1.524.974.257	2.452.281
Chi phí môi giới	6.938.356.385	537.400.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	16.228.335.507	14.700.311.847
Cộng	25.949.266.397	16.918.523.271

Trong đó, chi phí phải trả là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	66.068.228.383	46.848.431.899
Tài sản thừa chờ giải quyết	620.439.676	620.439.676
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	5.024.156.084	3.834.640.405
Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	10.182.862.492	50.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.559.632.527	2.672.001.484
Phải trả ngắn hạn khác	46.681.137.604	39.671.350.334
Phải trả khác dài hạn	16.770.000.000	15.570.000.000
Phải trả dài hạn khác	16.770.000.000	15.570.000.000
Cộng	82.838.228.383	62.418.431.899

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính:

	Trong kỳ				30/06/2025	
	01/01/2025					
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị/ VND
Vay ngắn hạn	2.041.682.704.872	3.733.754.199.496	3.573.304.003.724		2.194.723.889.579	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(19.01) 320.955.857.397		569.002.127.247		314.286.492.172	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	(19.02) 73.245.429.003		332.109.896.649		171.906.763.649	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(19.03) 357.748.591.287		580.830.308.522		406.068.208.072	
Ngân hàng TNHH Indovina	(19.04) 229.898.481.834		207.179.082.400		39.998.092.765	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(19.05) 210.240.978.324		326.864.637.812		159.220.740.581	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	(19.06) 17.930.464.665		28.979.178.595		17.767.045.500	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	(19.07) 17.394.596.980		99.346.413.859		89.912.121.659	
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	(19.08) 6.582.340.839		43.170.695.528		5.203.912.866	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(19.09) 15.899.939.000		117.368.088.294		60.635.400.294	
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	(19.10) 105.332.026.691		331.049.034.090		129.825.900.895	
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	(19.11) 153.464.067.501		318.875.676.500		161.244.650.167	
Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH	(19.12) 130.000.000.000		134.917.756.000		130.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	(19.13) 13.615.360.000		118.608.328.000		68.688.896.000	
Ngân hàng First Commercial Bank	(19.14) 115.000.000.000		100.000.000.000		100.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu	(19.15) 174.299.272.055		370.452.976.000		192.299.376.728	
Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.	(19.16) -		55.000.000.000		55.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	98.754.910.628				92.006.093.897	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	1.320.388.668				660.194.334	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND		VND		VND	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	359.169.376.539		4.985.000.000		84.880.479.560	286.022.713.710
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(19.01) 84.188.140.000		-		41.330.960.000	42.857.180.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(19.05) 1.861.942.538		396.000.000		687.921.591	1.570.020.947
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	(19.08) 4.655.594.000		1.169.000.000		2.228.845.000	3.595.749.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(19.09) 354.383.166.629		3.420.000.000		40.442.752.969	317.360.413.660
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	(19.10) 475.000.000		-		190.000.000	285.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	(19.11) 12.360.444.000		-		-	12.360.444.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(98.754.910.628)					(92.006.093.897)
Các khoản nợ thuê tài chính	2.420.712.546		-		660.194.334	2.420.712.546
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	(19.17) 3.741.101.214		-		660.194.334	3.080.906.880
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(1.320.388.668)					(660.194.334)
Cộng	2.403.272.793.957		3.738.739.199.496		3.658.844.677.618	2.483.167.315.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.01) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:

Khoản vay ngân hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0246/KHĐN/25/HMCV ngày 04/06/2025 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 0246/KHĐN/25/HĐBĐ ngày 29/05/2025.

Khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0328/KHDN/24/HMCV ngày 02/07/2024 với hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhân nợ.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 042A24 ngày 16/07/2024. Hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm nhu cầu ngăn chặn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay tối đa 04 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe với Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

- 500.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.
- 1.050.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.
- Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nhà Trang theo hợp đồng tín dụng số 2023/HMDTD-NTF ngày 01/11/2023 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bao lãnh theo hạn mức số 2023/HMBL-NTF ngày 01/11/2023, với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhân nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm.
- Văn bản bảo lãnh vay vốn do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

Khoản vay ngân hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo hợp đồng hạn mức số 0065/KHĐN/24/HMCMV ngày 28/02/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHĐN/2024 ngày 28/02/2024, với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 03 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng tín dụng số 0249/KHDN/23 ngày 14/06/2023, hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0250/KHDN/23/HMCV ngày 22/06/2023, hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0351/KHDN/23/CVTDH ngày 21/07/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0249/KHDN/23/SE1 ngày 08/08/2023, 0249/KHDN/23-SD4 ngày 15/11/2024, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0276/KHDN/23/HĐBĐ ngày 19/06/2023 và thỏa thuận bảo lãnh số 0251/KHDN/23/HMBL ngày 22/06/2023 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 213.646.720.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Lắp đặt máy móc thiết bị cho xưởng bảo công trình "Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận" địa điểm: Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Quận 7, TPHCM và Bộ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn cấp tín dụng: 60 tháng; Thời hạn vay: tối đa 04 tháng, được ghi trên từng khế ước nhận nợ; Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh:
- Quyền sở hữu căn hộ chung cư số LP-34.16 thuộc tòa nhà Landmark Plus, số 702A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh.
- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 429/19 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh.
- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 378/26 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh.
- Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Một phần nhà 2A đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).
- Lô xe ô tô Ford mới 100%
- Toàn bộ xe ô tô mới 100% đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ nguồn vốn Ngân hàng cấp tín dụng và/ hoặc sẽ được để tại Showroom Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TPHCM.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020 cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này bao gồm:

- Hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100%, tài sản là hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh.
- 2.756.911 cổ phiếu Công ty Cổ phần City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- 290.650 cổ phiếu Công ty Cổ phần City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- Tiền gửi tại Ngân hàng trị giá 50.000.000 VNĐ.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2020: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Explorer BKS 79A-260.49). Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng; Lãi suất: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Tourneo BKS 79A-277.01); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

Hợp đồng tín dụng số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay: 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 8,3-8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kWp theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2021/ONT/CVTL/01 ngày 26/01/2021 với số tiền vay: 1.220.000.000 đồng; Lãi suất: 8,5%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Ecosport BKA 79A-318.90 và Ford Everest BKS 79A-328.38); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/01 ngày 28/01/2022 với số tiền vay: 550.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất tại ngày 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79C-187.61. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 30/03/2022 với số tiền vay: 1.420.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Explorer BKS 79A-380.07. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0336/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20-SĐ4 ngày 18/08/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom); Thời hạn cho vay: 96 tháng; Lãi suất vay: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo:

- 1.586.940 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Quang Khải;
- 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh;
- 1.172.275 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của bà Trần Thị Tâm và ông Nguyễn Quang Văn;
- 1.113.225 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Phạm Anh Hưng và bà Trần Bích Lân;
- 898.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Bình;
- Xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 0204/KHDN/24 ngày 28/05/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay theo từng Hợp đồng vay được lập kèm theo. Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần City Auto (CTF) được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE thuộc sở hữu của bên thứ 3;
- Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay Ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng thế chấp số 0206/KHDN/24/HĐBĐ ký ngày 08/05/2024.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0207/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/05/2024 giữa Ngân hàng và Ông Trần Quang Trí.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0208/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/05/2024 giữa Ngân hàng và Ông Lê Nguyễn Hồ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.02) Ngân hàng TMCP Quân Đội:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp tín dụng số 228839.24.103.2711499.TD ngày 19/07/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến 10/07/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô Ford mới 100%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: ký quỹ tại MB, tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là lô xe hình thành từ phương án MB tài trợ và/hoặc hàng hóa là lô xe ô tô Ford hiện hữu thuộc sở hữu của công ty, quyền đòi nợ.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng cấp tín dụng số 237999.24.800.3053748.TD ngày 14/08/2024; Hạn mức tín dụng: 53 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 12/08/2025; Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ và các thỏa thuận khác được giao kết với Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 214765. 24.102. 2520244.TD ngày 29/05/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: từ 29/05/2024 đến 12/04/2025; Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 05 tháng từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng cấp tín dụng số 245306.24.160.31238658.TD ngày 19/09/2024 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 50 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 5 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Hàng hóa là xe Ford mới 100%.

(19.03) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8943817/HĐTD ngày 01/11/2023. Hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng nhưng không quá ngày 31/10/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2024/9182489/HĐTD ngày 17/12/2024; Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 15/10/2025; Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Hàng hóa, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số: 238022.24.800.3053748.BD ngày 24/09/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/4528578/HĐTD ngày 11/03/2025 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 160.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2023/21239804/HĐTD ngày 29/09/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.

(19.04) Ngân hàng TNHH Indovina:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng hạn mức số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/06/2022, sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL03-0623 ngày 15/06/2023, số 17/0622/CL/PL04-1023 ngày 16/11/2023 và tu chỉnh thông báo tín dụng số 581/IVBBT/CAD/2023 ngày 08/12/2023. Hạn mức tín dụng tối đa 92 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:
 - 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
 - 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
 - 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
 - 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
 - 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
 - 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
 - 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.
 - 113.247 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn.
 - 100.566 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh.
 - 254.520 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thái Hạnh.
- Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/06/2022. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/11/2024. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 9.000.000 cổ phiếu mã BSG thuộc sở hữu của bên thứ ba là Ông Phạm Anh Hưng và hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 21/0622/HĐTC-HTK.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 65/1223/Clri/6370691 ngày 19/12/2023; Số tiền vay: 40 tỷ đồng; Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Ngân hàng; Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: Tín chấp và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 03 Tổng Hữu Định, phường Thảo Điền quận 2, TP. HCM.
- Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, Volkswagen, Ford, Masterati (Maserati), Nissan và các nhãn hiệu khác gồm các xe ô tô hiện hữu đang tồn kho mới 100% có thời gian trên tờ khai hải quan nhập khẩu thông quan và/hoặc từ ngày xuất xưởng đến ngày thể chấp không vượt quá 1 năm thuộc sở hữu của bên vay.
- Các tài sản khác được xác lập, thỏa thuận giữa ngân hàng với bên vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các hợp đồng đảm bảo ký trước, trong và sau ngày phát hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài sản đảm bảo nêu trên.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/06/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL02-0223 ngày 14/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:
 - 12.500.000 cổ phiếu BSG (Công ty CP Xe khách SG) thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty Cổ phần City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
 - 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
 - 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
 - 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
 - 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
 - 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.
- Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.
- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.05) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2025/HHDM/CMB-CITYAUTO ngày 05/02/2025 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh và phát hành LC bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, số tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-2505-01 ngày 20/04/2024. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để mua các loại xe mới 100% hiệu Hyundai; phát hành bảo lãnh thanh toán; phát hành upas L/C nội địa. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng 02122-5926837-01-SME ngày 27/11/2024. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 11/12/2024. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô mới 100% do HTV phân phối. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô mới 100% hình thành từ nguồn vốn tín dụng do VPBank cấp, Bảo lãnh của Bà Nguyễn Lan Hương theo hợp đồng bảo lãnh số 021224-5926837-01-SME-HĐBL/VPBANK-01 ký ngày 11/12/2024 và các biện pháp, tài sản đảm bảo khác được thỏa thuận với VPBank.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-9181-01 ngày 08/12/2023; Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung/hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.
- Toàn bộ hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam
- Thư bảo lãnh của Ông Lê Công Tâm và Ông Trần Long
- Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-3748-01 ngày 02/12/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng cho vay số CLC-20679-01 ngày 18/07/2024 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 100 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản thế chấp: Hàng hóa là xe ô tô hình thành từ vốn vay VPBank có thời hạn xe tối đa 18 tháng mang nhãn hiệu Ford; ~~bảo lãnh của ông Trần Long~~ theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-20679-01/SME/BLCN-01 ký ngày 18/07/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo Hợp đồng cho vay số CLC-9029-01 ngày 06/12/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức khả dụng là 30.000.000.000 đồng. Trong đó, dư nợ đảm bảo bằng xe ô tô hình thành từ vốn vay “đối với các xe đang thế chấp tại Ngân hàng khác” tối đa tại mọi thời điểm là 5.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay để chi lương không có tài sản bảo đảm) tối đa mọi thời điểm là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không vượt quá 06 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

- Mục đích vay:

- Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các loại xe ô tô con có nguồn gốc nhập khẩu mới 100% mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam.
- Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua xe ô tô con thương hiệu Volkswagen mà Bên bán là Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam đang thế chấp chính các lô xe này tại các Ngân hàng khác.
- Thanh toán lượng nhân viên
- Tài sản đảm bảo:
 - Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90; địa chỉ 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Tp Thủ Đức), TP. HCM;
 - Bảo lãnh của ông TRẦN NGỌC DÂN, Giấy CMND/hộ chiếu/thẻ CCCD số: 022761994, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-16344/23/SME/BLCN-01 ký ngày 06/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Toàn bộ Hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam theo Hợp đồng đại lý Volkswagen ký ngày 15/07/2023 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC-9029-12645433-HDTC-01 ký ngày 14/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo các Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/04/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/06/2022. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 011024-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 01/10/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 231224-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 23/12/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 210125-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 21/01/2025. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(19.06) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Bình Phước theo hạn mức số TRAM.NTB-002/2024-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 05/02/2024. Hạn mức 70 tỷ. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số DUYENTTP-001/2023-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 09/01/2023. Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 15/01/2025. Thời hạn vay: không quá 4 tháng. Lãi suất vay: trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số LINHND5-001/2021/PTGT/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 11/01/2021.
- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số TRAM.NTB-001/2024/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 05/01/2024.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số DUYENTTP-H18/2022/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP NGÀY 18/11/2022.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H04/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 20/07/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H05/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 15/08/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H06/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 06/10/2023.

(19.07) Ngân hàng TMCP Phương Đông:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo Hợp đồng tín dụng số 0042/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 24/05/2024, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 0089/2025/HĐCTD-OCB-DN ngày 29/05/2025, hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford. Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30, địa chỉ Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM529701, số sổ cấp GCN: CT76889 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2019 và Giấy phép xây dựng số 129/GPXD do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/10/2019 và Điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 05/02/2021;
- Cổ phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

(19.08) Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng tín dụng số 41741/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VNĐ; Mục đích vay: Chi lương cho nhân viên Công ty; Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34855/23MN/HĐTD ngày 24/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford và chi lương; Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng tín dụng số 41742/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Số tiền vay: 1.130.000.000 VNĐ; Mục đích vay: Mua xe ô tô Hyundai Palisade, BKS: 51K-918.10; Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo:

Hợp đồng Tín dụng số 5941/24MN/HĐTD ngày 12/3/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 800.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: cho vay/bù đắp vốn mua Volkswagen T-Cross phục vụ đi lại của công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.42;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

Hợp đồng Tín dụng số 2126/24MN/HĐTD ngày 22/01/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 4.280.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: Cho vay/bù đắp vốn mua 01 xe ô tô Volkswagen Teramont và 01 xe ô tô Volkswagen Touareg phục vụ đi lại của Công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.31;
- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.46;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

(19.09) Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 325/2024/HĐTD/NTG với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho vay bù đắp, thanh toán tiền kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% do Công ty Ford Việt Nam phân phối và các đại lý Ford đạt tiêu chuẩn 3S trong cùng hệ thống; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: ký quỹ theo quy định về ký quỹ tại hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa Ngân hàng và Khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15/2025/HDTD/PDL ngày 17/03/2025 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng tín dụng số 06/2024/HDTD/PDL ngày 06/03/2024 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 50 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 4 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HDTD/GVP ngày 29/03/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng cho vay số 03/2024/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 17/07/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán tiền thuê showroom, văn phòng và xưởng dịch vụ; Thời hạn cho vay: 19/07/2029; Lãi suất vay: 10,5%/năm; Tài sản đảm bảo: quyền khai thác thừa đất (lợi thế quyền thuê đất hàng năm) và tài sản gắn liền trên đất thừa đất số 18, tờ bản đồ số 38, Phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo:

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 172/2024/HDTD/CP ngày 27/09/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.581.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C69RN015877 biên kiểm soát 51L-279.16
- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số : 50 108929 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/09/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận.
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 138/2024/HĐTD/CP ngày 23/07/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.266.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng kỳ ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen số khung WVGZZZ5N5PM020815 biên kiểm soát 51L-265.42
- Hợp đồng bán hàng số: 692_2024/HĐMB_VTT01 ngày 17/06/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Hóa đơn GTGT số 2518 ngày 28/06/2024
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 107/2024/HĐTD/CP ngày 20/05/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.551.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng kỳ ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Teramont X Platinum số khung LSVUW7CA4PN052206 biên kiểm soát 51L-147.36
- Giấy hẹn lấy Đăng ký xe ô tô biên kiểm soát: 51L-147.36 do Đội Đăng ký quản lý PTGTCGBĐB - Phòng Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/05/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận - Hợp đồng bán hàng số : 513_2024/HĐMB_VTT01 ký ngày 03/05/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

(19.10) Ngân hàng TMCP Thịnh Vương và Phát Triển:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp tín dụng số 441/2024/0053/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 20/08/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe demo thời hạn không quá 5 năm và xe ô tô nhãn hiệu Ford được hình thành từ vốn vay và được phân phối bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0061/HĐTDHM-DN/PGbankSG ngày 19/09/2024. Hạn mức tín dụng: 200 tỷ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng đối với mục đích mua hàng hóa là ô tô từ HTV, tối đa 04 tháng đối với mục đích thanh toán lương, mua phụ tùng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng kỳ ước. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, phụ kiện, vật tư ô tô. Tài sản đảm bảo: chi tiết theo các hợp đồng đảm bảo đối với nghĩa vụ nợ phát sinh nhằm mua hàng hóa là xe ô tô, đối với nghĩa vụ nợ phát sinh thực hiện thanh toán phụ tùng, thanh toán lương không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 948.339/2023HĐTDHM-DN/PGBankBD ngày 04/10/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp: 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng kỳ ước nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do HTV phân phối được hình thành từ vốn vay do PG bank cấp tín dụng với thời gian không quá 12 tháng; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 441/2024/067/HĐHMTCDN/PGBankSG ngày 06/01/2025 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay; Khoản vay dài hạn của Công ty CP Auto Trường Chinh theo hợp đồng tín dụng số 441/2024/0018/HĐTD-DN/PGBankSG ngày 21/03/2024. Số tiền vay: 760.000.000 VND. Thời hạn cho vay: 24 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ đáp tiền mua Xe Ô tô nhãn hiệu Hyundai, kiểu loại Custin 2.0T. Tài sản đảm bảo là Xe Ô tô hình thành từ khoản vay.

(19.11) Ngân hàng TMCP Bảo Việt:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVVB003 ngày 17/07/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVVB003 ngày 17/07/2024.
- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải tài thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng số 0053-2024-HĐTD1-BVVB003 ngày 28/03/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: từ 28/03/2024 đến 28/03/2025; Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng tín dụng số 0091-2024-HĐTD1-BVVB003 ngày 23/05/2024 cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 100 tỷ; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe Ford; Thời hạn cấp tín dụng: đến 23/05/2025; Thời hạn vay: tối đa không quá 04 tháng theo khế ước nhận nợ; Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới được hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford (mới 100%).
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Ford (mới 100%), có thời hạn xe không quá 12 tháng.
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải theo quy định của Ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận theo Hợp đồng Tín dụng số 0199-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 29/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 29/11/2024. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 04 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 19/04/2022 và phụ lục số 0039.01-2022-PL1-BV003 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 12.800.000.000 đồng; Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản;

Hợp đồng tín dụng số 0053-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 21/04/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức vay: 6.500.000.000 đồng; Mục đích vay: đầu tư xây dựng showroom Tiền Giang Ford; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản.

(19.12) Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/05/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(19.13) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% và các biện pháp khác theo thỏa thuận với SeABank.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số REF2501527611/HĐCVHM ngày 14/02/2025 với tổng hạn mức 70 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay mới 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng tín dụng số REF2429907083/HĐCVHM ngày 07/11/2024 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 100 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Xe/ô tô Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% theo hợp đồng ký ngày 24/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Ford Việt Nam và Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận.

(19.14) Ngân hàng First Commercial Bank:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30240280 ngày 16/04/2025 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(19.15) Ngân hàng TMCP Á Châu:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.2333.020724 ngày 17/07/2024 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: tài trợ đại lý nhà phân phối Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng là Lô xe ô tô Ford mới 100% là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty Cổ phần City Auto trị giá 250 tỷ đồng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.3382.271124 ngày 26/12/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 17/07/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi; chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty Cổ phần City Auto trị giá 375 tỷ đồng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAT.DN.2116.310524 ngày 17/07/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay: đã không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ; Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận theo hợp đồng tín dụng số TAT.DN.2859.280524 ngày 23/07/2024 cụ thể như sau: Hạn mức vay: 100 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ; Tài sản bảo đảm: Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc là tài sản hình thành trong tương lai và vẫn bảo lãnh của Công ty Cổ phần City Auto.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.DN.1867.260824 ngày 29/08/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay: 90 tỷ đồng; Mục đích vay: Bảo lãnh/ vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh đại lý xe ô tô; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất vay: theo Khế ước nhân nợ; Tài sản đảm bảo: Thế chấp/ cầm cố toàn bộ lô hàng là xe ô tô nhãn hiệu Ford, mới 100% hình thành từ vốn vay ACB (tài sản hình thành trong tương lai) với trị giá là 112.500.000.000 đồng.

(19.16) Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần City Auto theo thỏa thuận tín dụng số 6700114110016 ngày 13/03/2025 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 01 năm; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giây nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6700114110016-G ngày 13/03/2025 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

(19.17) Khoản vay tài chính dài hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000030/HĐCTTC ngày 08/02/2023 cụ thể như sau:

- Mục đích vay: Mua sắm máy móc thiết bị
- Khoản nợ vay: 4.995.880.230 VNĐ.
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Ngày hết hạn dự kiến: 16/03/2027
- Lãi suất: 9,2% trong 3 tháng đầu, sau đó lãi suất thả nổi với biên độ, điều chỉnh 3 tháng/ lần.
- Bên bảo lãnh: Công ty Cổ phần City Auto.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND		VND	VND		VND	VND		VND		VND
Tại ngày 01/01/2024	893.964.630.000		19.004.385.000	1.215.200.961		4.367.682.760	73.283.929.477		82.821.976.904		1.074.657.805.102
Tăng vốn trong kỳ	-		-	-		-	-		5.000.000.000		5.000.000.000
Lãi trong kỳ	-		-	-		-	10.990.156.966		(1.691.232.164)		9.298.924.802
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-	-		-	-		(401.824.766)		(401.824.766)
Chi trả cổ tức	-		-	-		-	-		(6.835.320.935)		(6.835.320.935)
Giảm khác	-		-	-		-	(4.200.842.916)		396.311.232		(3.804.531.684)
Tại ngày 30/06/2024	893.964.630.000		19.004.385.000	1.215.200.961		4.367.682.760	80.073.243.527		79.289.910.271		1.077.915.052.519
Tại ngày 01/01/2025	956.538.590.000		19.004.385.000	1.215.200.961		4.367.682.760	57.141.470.070		84.244.942.461		1.122.512.271.252
Lãi trong kỳ	-		-	-		-	1.897.842.912		2.177.714.051		4.075.556.963
Chi trả cổ tức	-		-	-		-	-		(887.631.043)		(887.631.043)
Tại ngày 30/06/2025	956.538.590.000		19.004.385.000	1.215.200.961		4.367.682.760	59.039.312.982		85.535.025.469		1.125.700.197.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	89.396.463
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	89.396.463
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	89.396.463
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	87.502.000.000	87.502.000.000
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	10.082.701.353	7.904.987.302
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(8.617.375.391)	(7.729.744.348)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	125.282.752	125.282.752
Điều chuyển lợi nhuận do chuyển nhượng cổ phần	(3.136.284.405)	(3.136.284.405)
Các khoản điều chỉnh khác	(421.298.840)	(421.298.840)
Cộng	85.535.025.469	84.244.942.461

21. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813	Không thu hồi được
Cộng	5.356.110.813	5.356.110.813	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	4.094.790.064.609	3.238.699.510.782
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.273.576.331	165.149.288.888
Doanh thu khác	29.329.514.048	19.923.082.721
Cộng	4.342.393.154.988	3.423.771.882.391
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	26.363.636	478.781.820
Hàng bán bị trả lại	247.027.159.726	99.607.690.298
Giảm giá hàng bán	-	40.690.909
Cộng	247.053.523.362	100.127.163.027
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.095.339.631.626	3.323.644.719.364

Trong đó, doanh thu từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán xe	3.812.822.941.271	2.987.366.931.183
Doanh thu bán phụ tùng	43.820.778.534	151.257.421.394
Doanh thu cung cấp dịch vụ	209.367.615.500	165.097.284.066
Doanh thu khác	29.328.296.321	19.923.082.721
Cộng	4.095.339.631.626	3.323.644.719.364

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hoá đã bán - Xe	3.690.665.856.398	2.921.430.388.940
Giá vốn hàng hoá đã bán - Phụ tùng	30.805.257.110	131.043.263.784
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	123.873.123.363	92.186.756.673
Giá vốn khác	4.471.441.377	9.291.568.167
Cộng	3.849.815.678.248	3.153.951.977.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.389.279.062	1.089.057.885
Lãi từ các khoản ký quỹ, cho vay	68.928.029.268	56.275.672.859
Lãi bán các khoản đầu tư	-	78.250.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	39.070.688	76.878.017
Cộng	70.356.379.018	135.691.608.761

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi vay, lãi trái phiếu	98.849.380.246	84.981.305.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.029.163	-
Cộng	98.863.409.409	84.981.305.710

Trong đó, chi phí tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	73.191.270.628	69.698.705.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.154.032.416	5.274.193.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.475.271.463	34.886.145.558
Chi phí bằng tiền khác	73.024.730.322	47.652.167.541
Cộng	195.845.304.829	157.511.212.201

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	33.692.637.725	28.071.047.249
Chi phí vật liệu quản lý	3.010.526.262	2.128.066.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.661.331.010	4.721.813.111
Lợi thế thương mại phân bổ	7.076.396.202	7.076.396.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.387.795.503	24.226.161.114
Chi phí bằng tiền khác	5.346.226.543	3.280.317.001
Cộng	76.174.913.245	69.503.801.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.122.295.668	3.267.561.535
Hỗ trợ từ nhà cung cấp chính	53.956.704.360	12.593.933.335
Thu nhập khác	3.169.633.790	1.641.917.196
Cộng	60.248.633.818	17.503.412.066
Chi phí khác		
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	618.166.871	
Các khoản bị phạt	360.460.133	1.193.045.582
Chi phí khác	643.834.483	399.473.174
Cộng	1.622.461.487	1.592.518.756
Lợi nhuận từ hoạt động khác	58.626.172.331	15.910.893.310

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.755.163.751.233	3.153.951.977.564
Chi phí nhân công	106.883.908.353	97.769.752.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.895.330.828	9.996.006.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.736.190.329	59.112.306.672
Chi phí bằng tiền khác	82.838.827.042	60.136.947.225
Cộng	4.152.518.007.785	3.380.966.990.923

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.897.842.912	10.990.156.966
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.897.842.912	10.990.156.966
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	95.653.859	89.396.463
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.897.842.912	10.990.156.966
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.897.842.912	10.990.156.966
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	95.653.859	89.396.463
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	95.653.859	89.396.463
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20	123

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Quang Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2025)/ Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Ân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Phú	Kế toán trưởng
Bên liên quan là các pháp nhân	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Chung thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm và số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu / (Phải trả)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	137.133.484.504	
Mua hàng, nhận dịch vụ	134.505.683.982	
Lãi cho vay	229.995.346	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		21.250.633.580
Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.382.429.610
Phải thu khác ngắn hạn		3.695.427.402
Phải trả người bán ngắn hạn		(6.892.389.507)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(2.599.865.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	266.009.456.977	
Mua hàng, nhận dịch vụ	168.304.703.446	
Lãi cho vay	25.656.650.319	
Lãi vay	(35.442.695)	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		335.787.374.049
Trả trước cho người bán ngắn hạn		138.754.456.906
Phải thu khác ngắn hạn		46.359.104.152
Phải thu khác dài hạn		334.601.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		(25.236.118.859)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		(32.550.203.893)
Chi phí phải trả ngắn hạn		(661.984.339)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(10.182.862.492)
Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng		
Ông Trần Ngọc Dân	120.000.000	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	23.225.806	
Ông Trần Quang Trí	383.965.000	
Ông Phan Hoàng Sơn	30.000.000	
Ông Trần Lâm	453.870.000	
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	18.000.000	
Bà Đỗ Thị Như Duyên	18.000.000	
Bà Trần Thị Ứn	18.000.000	

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

Báo cáo bộ phận kỳ này

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh phụ tùng	Cộng
Doanh thu thuần	3.812.822.941.271	238.695.911.821	43.820.778.534	4.095.339.631.626
Giá vốn hàng bán	3.690.665.856.398	128.344.564.740	30.805.257.110	3.849.815.678.248
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	122.157.084.873	110.351.347.081	13.015.521.424	245.523.953.378
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				4.140.510.491.387
Tổng tài sản				4.140.510.491.387
Nợ phải trả bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ				3.014.810.294.215
Tổng nợ phải trả				3.014.810.294.215

Báo cáo bộ phận kỳ trước

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh phụ tùng	Cộng
Doanh thu thuần	2.987.366.931.183	185.020.366.787	151.257.421.394	3.323.644.719.364
Giá vốn hàng bán	2.921.430.388.940	101.478.324.840	131.043.263.784	3.153.951.977.564
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	65.936.542.243	83.542.041.947	20.214.157.610	169.692.741.800
Tài sản bộ phận	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ				3.917.631.338.920
Tổng tài sản				3.917.631.338.920
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ				2.795.119.067.668
Tổng nợ phải trả				2.795.119.067.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.



Người lập biểu
Trương Thị Hồng Vân



Kế toán trưởng
Lê Thị Phú



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 28 tháng 08 năm 2025

